

名字: _____

日期: _____

NỐI TỪ

家
多大
岁
和
爸爸
妈妈
姐姐
妹妹
哥哥
弟弟
爷爷
奶奶
越南

Yuènnán
yéye
sui
nǎinai
mèimei
māma
jiějie
jiā
hé
gēge
duōdà
dìdi
bàba

名字:

日期:

TÌM BỘ THỦ

家 多大 岁 和 爸爸 妈妈 姐姐
妹妹 哥哥 弟弟 爷爷 奶奶 越南

Cho từ tiếng trung bên trên, viết các từ có chứa các bộ thủ bên dưới, và chọn tên đúng của bộ thủ

女 _____

宀 _____

口 _____

父 _____

夕 _____

禾 _____

名字:

日期:

TÌM TỪ KHÁC CÁC TỪ CÒN LẠI

1. 多大 岁 和

2. 爸爸 哥哥 爷爷

3. 妹妹 妈妈 弟弟

4. 越南 哥哥 和